

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS – ST
Ngày: 01 - 7 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 619/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 732/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 962/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Kinh T, địa chỉ: số C đường số A KDC V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C đường số A KDC V, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền số 182/CCM-GUQ ngày 29/07/2024). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: 5 L, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 5 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn P, sinh năm: 1967; địa chỉ: 5 L, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 5 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H có ông Hoàng Kinh T đại diện trình bày:

Ngày 01/7/2019, bà Lê Thị C đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 50.000.000 đồng. Bà Lê Thị C phải góp hàng tháng là 5.100.000 đồng trong 11 tháng đầu. tháng cuối góp 5.000.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết

hạn hợp đồng là ngày 01/7/2020 nhưng bà Lê Thị C không đóng góp theo đúng kế hoạch ban đầu. Đến ngày 15/7/2024 bà Lê Thị C đã trả như sau: Ngày 30/7/2019 trả: 5.100.000 đồng; ngày 03/9/2019 trả: 5.100.000 đồng; ngày 02/10/2019 trả: 5.100.000 đồng; ngày 4/11/2019 trả: 5.100.000 đồng; ngày 09/07/2020 dùng tiết kiệm tích lũy trả 21.200.000 đồng; ngày 29/03/2022 trả: 100.000 đồng; ngày 10/5/2022 trả: 100.000 đồng; ngày 8/6/2022 trả: 100.000 đồng; ngày 04/7/2022 trả: 100.000 đồng; ngày 03/8/2022 trả: 100.000 đồng; ngày 13/4/2023 trả 100.000 đồng; ngày 30/10/2023 trả 100.000 đồng. Tổng số tiền bà Lê Thị C đã trả cho quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã là 46.800.000 đồng bao gồm vốn 43.100.000 đồng, lãi (phí), tiết kiệm 3.700.000 đồng, không tính tiết kiệm còn phải thu là 4.000.000 đồng. Đến ngày 15/7/2024 bà Lê Thị C vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã Thành phố H – Chi nhánh B. Tổng số tiền còn nợ là 10.300.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 6.900.000 đồng; nợ lãi (phí) 3.400.000 đồng, không tính tiết kiệm còn lại phải thu.

Nay Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú buộc bà Lê Thị C và ông Lê Văn P có trách nhiệm liên đới hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Q trợ vốn Hợp tác xã Thành phố H, tổng số tiền là 10.300.000 đồng (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) theo đợt trợ vốn ngày 01/7/2019, bao gồm nợ vốn: 6.900.000 đồng; nợ lãi (phí) 3.400.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P vắng mặt không có lý do, không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng và không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị C phải thanh toán cho Q trợ vốn xã viên hợp tác xã theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 23/6/2019 số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2025 là 10.300.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 6.900.000 đồng; nợ lãi (phí) 3.400.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực thi hành. Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Văn P có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn bà Lê Thị C có địa chỉ tại quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9) thụ lý giải

quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bà Lê Thị C, ông Lê Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H yêu cầu bà Lê Thị C và ông Lê Văn P có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 23/6/2019, số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2025 là 10.300.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 6.900.000 đồng; nợ lãi (phí) 3.400.000 đồng.

Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn ngày 23/6/2019; Báo nợ ngày 10/6/2025 thì có đủ cơ sở để xác định bà Lê Thị C còn nợ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2025 là 10.300.000 đồng (trong đó nợ gốc là 6.900.000 đồng, nợ lãi (phí) là 3.400.000 đồng).

Do bà Lê Thị C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị C thanh toán khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn P có trách nhiệm trả thay khoản vay trợ vốn 10.300.000 đồng của bà Lê Thị C trong trường hợp bà Lê Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản vay trợ vốn trên, Hội đồng xét xử xét:

Tại Đơn đề nghị trợ vốn ngày 23/6/2019, ông Lê Văn P có ký xác nhận nội dung: *“Người có nghĩa vụ trả nợ thay là ông Lê Văn P. Quan hệ với người xin trợ vốn: Chồng. Nếu người xin trợ vốn không thực hiện theo cam kết nêu trên, thì người có nghĩa vụ trả thay phải chịu trách nhiệm hoàn trả vốn, phí đúng hạn cho Quỹ CCM.”*.

Nhận thấy, nội dung bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay của ông Lê Văn P là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy do bà Lê Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Đơn đề nghị trợ vốn ngày 28/6/2019 nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị C phải chịu án

phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 515.000 đồng.

- H lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng cho Q trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 6; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H.

- Buộc bà Lê Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Q trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H số nợ theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 28/6/2019 số 10.300.000 (mười triệu ba trăm nghìn) đồng (trong đó nợ gốc là 6.900.000 (sáu triệu chín trăm nghìn) đồng, nợ lãi (phí) là 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng).

- Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

[2] Trường hợp bà Lê Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trợ vốn trên cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H thì ông Lê Văn P phải có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản vay trợ vốn trên cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị C phải chịu án phí là 515.000 (năm trăm mười lăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0040221 ngày 01/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[5] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 9;
- Chi cục THADS khu vực 9;
- Lưu VP, hồ sơ (V)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 9;
- Chi cục THADS khu vực 9;
- Lưu VP, hồ sơ (V)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Dương)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm